

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DSST

Ngày 29/7/2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Trung

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện HD tỉnh KG.

2/ *Bị đơn:* Ông Bùi Đức H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HD tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày như sau:**

Vào ngày 10/8/2020, bà có cho ông Bùi Đức H vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000 đồng/1 triệu/ngày. Tuy nhiên, kể

từ sau khi vay đến nay, ông H mới trả cho bà được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), sau đó ông H không trả gốc và lãi nữa, bà có yêu cầu ông H nhiều lần nhưng ông H chỉ hứa mà không trả. Nay bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết buộc ông Bùi Đức H phải trả số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 10/8/2020 cho đến khi xét xử. Cụ thể: Tiền lãi tạm tính từ ngày 10/8/2020 đến ngày 10/3/2022 là 60.000.000 đồng x 19 tháng x 20%/năm = 19.000.000 đồng, khấu trừ tiền lãi ông H đã trả 5.000.000 đồng, còn lại tiền lãi chưa trả là 14.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 74.000.000 đồng (Bảy mươi tư triệu đồng).

* *Tại Bản tự khai, bị đơn ông Bùi Đức H trình bày như sau:* Ông Bùi Đức H thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị G số tiền là 60.000.000 đồng, đến nay chưa có khả năng trả, nay ông H xin thêm thời gian để lo tiền trả cho bà G.

* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đức H phải trả số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi. Phía bị đơn cư trú tại Khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Bùi Đức H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Vào ngày 10/8/2020, ông Bùi Đức H có vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 60.000.000 đồng, đến nay chưa trả được. Xét thấy, tại bản tự khai của mình, ông H thừa nhận có vay và ký tên vào giấy nhận nợ với bà G đối với số tiền 60.000.000 đồng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà G khởi kiện yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 60.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Xét về lãi suất: Tại Giấy nhận nợ ngày 10/8/2020 hai bên không thể hiện lãi suất cho vay là bao nhiêu. Theo các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, bà G cho rằng hai bên thỏa thuận lãi 2.000 đồng/1 triệu/ngày. Việc thỏa thuận lãi là quá cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà G chỉ khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm nên có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông H phải trả tiền lãi cho bà G từ ngày vay 10/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2022 (nguyên đơn đồng ý làm tròn 23 tháng), cụ thể như sau: $60.000.000đ \times 23 \text{ tháng} \times 1,66\%/tháng = 22.908.000 \text{ đồng}$. Ông H đã trả được cho bà G 5.000.000 đồng tiền lãi nên được khấu trừ, số tiền lãi ông H còn phải trả là 17.908.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 77.908.000 đồng.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H có trách nhiệm trả cho bà G số tiền gốc và lãi là 77.908.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.895.400 đồng (77.908.000 đồng x 5%).

- Bà G được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với ông Bùi Đức H.

Buộc ông Bùi Đức H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền gốc và lãi là 77.908.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, chín trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST:

- Ông Bùi Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.895.400 đồng (Ba triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.850.000 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007767 ngày 04/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Bùi Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc